TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 2 – AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2026/DS-ST
Ngày 29 tháng 4 năm 2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Bình
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phước Lộc và bà Nguyễn Tường Diễm Linh Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Cẩm Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – An Giang: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 29 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 280/2025/TLST- DS ngày 20 tháng 11 năm 2025 về việc *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 156/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 145/2026/QĐST-DS ngày 13 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP T3 (V1);** trụ sở: H L, phường L, quận Đ, H; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Thành T – Chức vụ: Phó Giám Trung tâm xử lý nợ pháp lý KHCN; ông Đỗ Thành T ủy quyền lại cho: Bà Đinh Ngọc T1 và ông Nguyễn Hoàng T2 – Chuyên viên xử lý nợ; địa chỉ: A đường N, khu phố E D, đặc khu P, tỉnh An Giang (Theo văn bản ủy quyền ngày 16/10/2025) (Bà T1 có mặt).

- Bị đơn: Ông **Đặng Quang V**, sinh năm 1992; căn cước công dân số: 091092018917; địa chỉ: Tổ C, khu phố G D, đặc khu P, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Ngân hang T4 do bà Đinh Ngọc T1 đại diện trình bày:

Ngày 08/01/2020, ông Đặng Quang V đã ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ với hạn mức 109.856.250 đồng. Lãi suất áp dụng 35,88%/năm. Thời điểm vi phạm là từ ngày 28/6/2024. Nguyên nhân phát sinh tranh chấp là khách hàng không thanh toán nợ gốc hàng tháng.

Tổng dư nợ tạm tính đến ngày 14/4/2025 là 126.725.533 đồng. Hình thức thanh toán là trả nợ gốc và lãi theo kỳ thanh toán với số tiền tương ứng đã sử dụng hàng tháng. Từ khi khách hàng quá hạn thì đại diện ngân hàng đã liên hệ để yêu cầu khách hàng thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với ngân hàng nhưng khách hàng vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.

Ngân hàng yêu cầu buộc ông Đặng Quang V có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP T3 ngay một lần số tiền còn nợ tạm tính đến ngày ngày 14/4/2025 là 126.725.533 đồng. Ngoài ra, ông V còn tiếp tục chịu lãi, lãi quá hạn phát sinh theo các hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nợ cho V1.

- Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đặng Quang V tại bản tự khai ngày 17/12/2025 trình bày: Tôi có sử dụng thẻ tín dụng của ngân hàng V1 trong khoản thời gian trước đây và tôi luôn thực hiện nghĩa vụ của chủ thẻ. Nhưng trong những năm gần đây tôi gặp vấn đề tài chính ảnh hưởng đến nguồn thu nhập. Hiện nay tôi thu nhập khoảng 10.000.000 đồng và phải nuôi 02 con nhỏ nên nay tôi có nguyện vọng được trả dần khoản nợ thể tín dụng với số tiền 3.000.000 đồng mỗi tháng cho đến khi tình hình tài chính của bản thân tôi khá hơn tôi sẽ thanh toán nhiều hơn hoặc tất toán khi có thể. Tôi cam kết nội dung nêu trên hoàn toàn đúng sự thật.

*** Tại phiên tòa:** Đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc là 29.856.250 đồng. Chỉ yêu cầu ông V trả số tiền gốc còn nợ là 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 29/4/2026 là 80.251.000 đồng; tổng gốc và lãi là 160.251.600 đồng. Không đồng ý với ý kiến của bị đơn là trả mỗi tháng 3.000.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"* theo quy định tại khoản 3 Điều 26 BLTTDS.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại đặc khu P, tỉnh An Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – An Giang.

[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên căn cứ Điều 227 BLTTDS, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[1.4] Về việc nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện: Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền vay gốc là 29.856.250 đồng, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền gốc còn nợ là 80.000.000 đồng và lãi suất phát sinh tạm tính đến ngày 29/4/2026 là 80.251.000 đồng; tổng gốc và lãi là 160.251.600 đồng. Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp theo quy định tại Điều 5 BLTTDS, nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ phần yêu cầu đã rút theo khoản 2 Điều 244 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án: Ngày 08/01/2020, Ngân hàng TMCP T3 (V1) có ký giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán và dịch vụ ngân hàng Đ, với hạn mức 80.000.000 đồng. Lãi suất áp dụng 35,88%/năm.

Quá trình sử dụng thẻ ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ kể từ kỳ thành toán ngày 28/6/2024 cho đến nay. Do đó, Ngân hàng V1 khởi kiện yêu cầu buộc ông V trả nợ tạm tính đến ngày 29/4/2026 tổng cộng 160.251.600 đồng (trong đó nợ gốc: 80.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 53.501.067 đồng và lãi quá hạn: 26.750.533 đồng). Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[2.1] Xét Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/8/2020 được ký kết giữa Ngân hàng V1 với ông Đặng Quang V: Về hình thức hợp đồng là dạng hợp đồng mẫu, được lập thành văn bản, có ký tên, đóng dấu và tuân thủ về mặt hình thức theo quy định tại Điều 119 BLDS năm 2015. Về nội dung: Hợp đồng được các bên thỏa thuận rõ số tiền cấp tín dụng, lãi suất, phương thức trả nợ, trách nhiệm vi phạm hợp đồng cụ thể, rõ ràng theo quy định pháp luật. Việc thỏa thuận của các bên là sự tự nguyện thỏa thuận và phù hợp với quy định tại Điều 117 BLDS năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 và khoản 1, 2 Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân

tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên hợp đồng phát sinh hiệu lực.

Trong quá trình vay, ông V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 28/6/2024 nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông V trả nợ gốc và lãi tạm tính đến ngày 29/4/2026 tổng cộng 160.251.600 đồng (trong đó nợ gốc: 80.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn: 53.501.067 đồng và lãi quá hạn: 26.750.533 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Xét ý kiến của bị đơn xin trả mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ. Tuy nhiên, tại phiên tòa đại diện nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu của bị đơn nên Hội đồng xét xử không có cơ sở chấp nhận.

[3] Về án phí: Ngân hàng V1 khởi kiện được chấp nhận nên không phải chịu án phí, được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.168.000 đồng theo biên lai thu số 0008455, ngày 12/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Ông Đặng Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải trả là 160.251.600 đồng x 5% = 8.012.580 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 85, 147, 227, Điều 244, 266, 271, 273 và 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025; Điều 117, 119, 357, 422, 466 và 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7, 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP T3 (V1) đối với bị đơn ông Đặng Quang V về yêu cầu buộc ông V trả số tiền vay gốc là 29.856.250 đồng *(Hai mươi chín triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng)*.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng T3 (V1) đối với bị đơn ông Đặng Quang V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Đặng Quang V phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng T3 số tiền tạm tính đến ngày 29/4/2026 là 160.251.600 đồng *(Một trăm sáu mươi triệu hai trăm năm mươi mốt nghìn sáu trăm đồng)* (trong đó nợ gốc: 80.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn:

53.501.067 đồng và lãi quá hạn: 26.750.533 đồng) theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng ngày 01/8/2020.

Kể từ ngày 30/4/2026, ông Đặng Quang V còn phải trả lãi phát sinh trên nợ gốc theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng mà các bên đã ký kết cho đến khi ông V thanh toán toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T3.

3. Về án phí:

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T3 số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.168.000 đồng *(Ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0008455, ngày 12/11/2025 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 2 – An Giang.

Ông Đặng Quang V phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 8.012.580 đồng *(Tám triệu không trăm mười hai nghìn năm trăm tám mươi đồng).*

4. Quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt tại phiên toà thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sư.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 2- An Giang;
- PTHADS khu vực 2- An Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hồ Văn Bình